

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-8-2022

V/v tranh chấp: “Không công nhận  
là vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN T, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Nhơn T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T tham gia phiên tòa:** Bà  
Đặng V Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn T, tỉnh  
Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ, ngày  
27 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết  
định đưa vụ án ra xét xử số 666/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022  
giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Cát L, xã Phú H, huyện Nhơn T, Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn E, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu 3, ấp Cát L, xã Phú Hữu, huyện Nhơn T, Đồng Nai.

(Chị K và anh E xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại bản tự khai ngày 29 tháng 6  
năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình*

bày: Chị và anh Huỳnh Văn E tự nguyện chung sống vào năm 1993 Nng không đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung, không cùng suy nghĩ, không cùng quan điểm, anh E thường xuyên đánh đập vợ con, anh E có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị đề nghị Tòa án xét xử không công nhận chị và anh E là vợ chồng.

- Con chung: Có 02 cháu là Huỳnh Thị Kim V, sinh ngày 6/8/1994 và Huỳnh Thị Tố N, sinh ngày 17/02/2000. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị K xin xét xử vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2022 bị đơn anh Huỳnh Văn E trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị K tự nguyện chung sống vào năm 1993 Nng không đăng ký kết hôn. Chị K yêu cầu không công nhận là vợ chồng anh E đồng ý.

- Con chung: Có 02 cháu là Huỳnh Thị Kim V, sinh ngày 6/8/1994 và Huỳnh Thị Tố N, sinh ngày 17/02/2000. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh E xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện anh E và chị K chung sống với nhau từ năm 1993 Nng không có đăng ký kết hôn. Chị K trình bày trong thời gian chung sống thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm và yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Về phía Anh E xác định việc chị K yêu cầu không công nhận là vợ chồng là đúng. N vậy, có cơ sở chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

Áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh E và chị K.

Con chung: Có 02 cháu là Huỳnh Thị Kim V, sinh ngày 6/8/1994 và Huỳnh Thị Tố N, sinh ngày 17/02/2000. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành

Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị Quyết 326/20146/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án chi K phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị NguyễnThị K và nguyên đơn anh Huỳnh Văn E có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị K yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh Huỳnh Văn E do anh chị chung sống vào năm 1993 Nng không đăng ký kết hôn. Anh Huỳnh Văn E cư trú tại ấp Cát L, xã Phú H, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn T có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Không công nhận là vợ chồng”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K, bị đơn là anh Huỳnh Văn E.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K chung sống với anh Huỳnh Văn E vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện Nng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên hôn nhân trên được xem là không hợp pháp. Nay chị K yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh E. Anh E cũng xác nhận anh và chị K chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn và đồng ý với yêu cầu của chị K. Theo thông tin UBND xã Phú H cung cấp thì anh E và chị K hiện tại chưa có đăng ký kết hôn. Xét yêu cầu của chị K là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị K khai chị và anh E có 02 con chung là Huỳnh Thị Kim V, sinh ngày 6/8/1994 và Huỳnh Thị Tố N, sinh ngày 17/02/2000. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành

[5]. Tài sản chung: Chị K và anh E khai không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6]. Nợ chung: Chị K và anh E khai không có do đó không xét.

[7]. Về án phí: Chị K phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986, Điều 14, Điều 15 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K về việc tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng” đối với bị đơn anh Huỳnh Văn E.

1. Xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Văn E là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 cháu là Huỳnh Thị Kim V, sinh ngày 6/8/1994 và Huỳnh Thị Tố N, sinh ngày 17/02/2000. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008039 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho chị K 12.000.000 đồng (Mười hai triệu) đồng tiền án phí còn dư.

Chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Văn E được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Nhơn T;
- Chi cục THADS H. Nhơn T;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Mai**

